

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :301

sáng; Bánh canh thòt của tồì nam mỗp ca
rot bap
Sõa grow
Trõa : Cõm thòt tim heo xao nam rỏm ca rot.
canh rau ngọt mỗp tom kho thòt heo nạc rau
hung
Mon xao: gia he
Xe: nõõc chanh day
Xe chieu: Chao thòt bo ñau ñỏ me

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37026				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom kho	300	79,870	239,610
3	Cua ghe	700	92,400	646,800
4	Nõõc mam Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
6	Nõõng cat	7,000	3,880	271,600
7	Dau me	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ may	24,000	2,630	631,200
9	Ñau ñỏ*	600	8,090	48,540
10	Me (vỏng)	300	11,880	35,640
11	Ngõ (bap) tồì	1,000	3,680	36,800
12	Hanh la	1,500	5,250	78,750
13	Hanh củ tồì	1,000	6,300	63,000
14	Ca rot	5,000	5,570	278,500
15	Nam rỏm	1,500	14,180	212,700
16	Mỗp	9,000	4,200	378,000
17	Gia ñau xanh	3,000	2,730	81,900
18	Hẻ la	1,000	4,830	48,300
19	Rau đen	3,000	5,570	167,100
20	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
21	Thòt lợn nạc	11,500	18,800	2,162,000
22	Thòt bọ loại 1	3,000	37,800	1,134,000
23	Tim lợn	6,000	26,880	1,612,800
24	Chanh day*	15,000	6,300	945,000
Cong				9,955,940
*XUẤT KHO				
25	Sõa bot Abbot Grow	5,800	20,500	1,189,000
Cong				1,189,000
Tổng tiền thức phẩm				11,144,940 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nõõc chỉ trong ngày				11137000(đ)
Số đồ ñau ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				-7940(đ)
Xuất ăn luy ke tồ ñau thang				
Tiêu chuẩn luy ke tồ ñau thang				
Tiền chỉ luy ke tồ ñau thang				